

THỰC TRẠNG DẠY VÀ HỌC MÔN TIẾNG TRUNG CHO SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỂ DỤC THỂ THAO BẮC NINH

Phùng Thị Phương, Chu Thị Huyền

Khoa Kiến thức cơ bản, Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh

Tóm tắt: Trang bị kiến thức Ngoại ngữ nói chung và dạy học tiếng Trung nói riêng cho SV được các trường đại học rất chú trọng nhằm đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế của TĐTT. Bài viết trình bày về nghiên cứu thực trạng dạy và học môn tiếng Trung cho sinh viên tại Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh.

Từ khóa: Thực trạng dạy và học môn tiếng Trung, sinh viên, trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh

THE CURRENT SITUATION OF TEACHING AND LEARNING CHINESE FOR STUDENTS AT BAC NINH UNIVERSITY OF PHYSICAL EDUCATION AND SPORTS

Phung Thi Phuong, Chu Thi Huyen

Faculty of Basic Knowledge, Bac Ninh University of Physical Education and Sports

Abstract: Equipping students with foreign language knowledge in general, and Chinese language skills in particular, is a key focus of universities in order to meet the international integration requirements of the field of physical education and sports. This paper presents a study on the current situation of teaching and learning Chinese for students at Bac Ninh University of Physical Education and Sports.

Keywords: Current situation of Chinese language teaching and learning, students, Bac Ninh University of Physical Education and Sports

Nhận bài: 15/02/2025

Phản biện: 21/03/2025

Duyệt đăng: 24/03/2025

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong xã hội hiện nay, tiếng Trung nằm trong top ngôn ngữ phổ biến nhất trên thế giới. Tiếng Trung cũng đang là ngôn ngữ được sử dụng nhiều nhất trên internet. Việc học tiếng Trung đem lại nhiều cơ hội mới trong tương lai: cơ hội việc làm mở rộng, hội nhập toàn cầu hóa, học các ngôn ngữ khác dễ dàng hơn ... Vì vậy, nhiều SV lựa chọn chuyên ngành ngôn ngữ tiếng Trung được đào tạo tại các trường Đại học, Cao đẳng. Để đáp ứng được yêu cầu TĐTT của xã hội về đào tạo cán bộ TĐTT theo xu hướng đa ngành, trong những năm gần đây trường ĐHTĐTT Bắc Ninh tiến hành đổi mới chương trình dạy học của các môn học cho phù hợp với xu thế hiện nay, nâng cấp hệ thống CSVC phục vụ giảng dạy, cải tiến PPDH, bồi dưỡng nâng cao trình độ cho GV trong đó quan tâm đến việc dạy học Môn tiếng Trung cho SV của nhà trường.

II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Vài nét về dạy học môn Tiếng Trung ở Trường ĐHTĐTT Bắc Ninh

Hiện nay nâng cao chất lượng giảng dạy và đào tạo SV của Trường Đại học TĐTT Bắc Ninh là một nhiệm vụ được Đảng bộ, Ban giám hiệu nhà trường đặt ra hàng đầu, trong đó việc trang bị kiến thức về Ngoại ngữ nói chung và tiếng Trung nói riêng cho SV được Nhà trường rất chú trọng nhằm đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế của TĐTT.

Tuy nhiên, qua quá trình giảng dạy và KQHT của SV cho thấy chất lượng môn học tiếng Trung còn hạn chế. Điều này thể hiện ở chỗ: số lượng SV đạt điểm giỏi trong hai năm gần đây chiếm tỷ lệ thấp (10-15%), chủ yếu ở mức khá và đạt; tinh thần, thái độ học tập của SV không tốt; kỹ năng đọc hiểu, viết của SV yếu.... Thực trạng trên do một số nguyên nhân: phương pháp giảng dạy của GV chưa kết hợp vận dụng linh hoạt; trang thiết bị dụng cụ phục vụ công tác giảng dạy chưa thực sự tốt; ý thức tự giác học tập của SV không cao.

2.2. Thực trạng dạy và học môn tiếng Trung cho SV trường Đại học TĐTT Bắc Ninh.

2.2.1. Xác định tiêu chí đánh giá thực trạng dạy và học môn tiếng Trung cho SV trường Đại học TĐTT Bắc Ninh.

Thông qua phân tích lý luận và thực tiễn, đề tài tổng hợp được 08 tiêu chí đánh giá. Để xác định được những tiêu chí đánh giá chất lượng dạy và học môn tiếng Trung của SV, chúng tôi đã phỏng vấn 20 giảng viên tham gia giảng dạy, nhà quản lý tại trường Đại học TĐTT Bắc Ninh.

Kết quả nghiên cứu để đảm bảo độ tin cậy cao, đề tài lựa chọn 07 tiêu chí được đánh giá ở mức độ rất quan trọng (tương ứng với điểm trung bình từ 4.2 trở lên) nhằm đánh giá thực trạng công tác dạy và học môn tiếng Trung của SV trường Đại học TĐTT Bắc Ninh, đó là:

- Đội ngũ GV giảng dạy môn học
- Điều kiện CSVC, trang thiết bị cho môn học
- Nhận thức rõ ý nghĩa, tầm quan trọng của môn học
- KQHT môn học
- Hiệu quả phương pháp giảng dạy của GV
- Mức độ hứng thú, thái độ tích cực học tập với môn học
- SV tìm phương pháp học phù hợp với môn học

2.2.2. Thực trạng đội ngũ GV giảng dạy môn tiếng Trung ở trường Đại học TDTT Bắc Ninh.

Thực tế cho thấy, số lượng và trình độ GV ảnh hưởng đến chất lượng môn học. Việc đưa ra phương pháp, hình thức giảng dạy cho SV phụ thuộc phần lớn vào trình độ, kinh nghiệm, tư duy của GV. Qua khảo sát, tổng hợp số lượng và trình độ của GV tham gia giảng dạy môn học trong 05 năm gần đây.

Thực trạng đội ngũ GV giảng dạy môn học tiếng Trung cho thấy thâm niên công tác thể hiện bề dày kinh nghiệm của đội ngũ GV, yếu tố này cũng ảnh hưởng đến chất lượng dạy học. Số liệu thống kê cho thấy thâm niên của GV dạy môn tiếng Trung đều trên 10 năm. 100% GV có trình độ thạc sĩ. Với trình độ đội ngũ GV hiện nay đạt chuẩn được đào tạo bồi dưỡng sau đại học có thể đảm trách rất tốt môn học này theo qui định của Bộ GD và ĐT ban hành.

2.2.3. Thực trạng điều kiện CSVC phục vụ dạy học môn tiếng Trung trường Đại học TDTT Bắc Ninh.

Với xu hướng sử dụng PPDH tích cực kết hợp phương tiện hiện đại, rất cần Nhà trường đầu tư kinh phí để cải tạo, nâng cấp CSVC phục vụ giảng dạy các môn lý thuyết tại các giảng đường. Môn học tiếng Trung được xếp lịch tại giảng đường H.

Kết quả nhận thấy: Điều kiện CSVC tại các phòng học sử dụng giảng dạy môn tiếng Trung chưa được trang bị đầy đủ, không có máy chiếu, màn chiếu, loa và mic. Đây là những điều kiện cơ bản phục vụ cho công tác giảng dạy, tuy nhiên lại chưa đáp ứng đủ. Vì vậy, trong các giờ học, việc giảng dạy chủ yếu là viết bảng, không có hình ảnh minh họa hay các video, các bản hội thoại cho nội dung bài giảng. Ngoài ra, tuy được Nhà trường trang bị 03 Loa cho môn Ngoại ngữ, nhưng chủ yếu là dành cho môn tiếng Anh. Như vậy, việc ứng dụng phương pháp giảng dạy tích cực kết hợp phương tiện hiện đại khó thực hiện. Đây cũng là một trong những khó khăn ảnh hưởng tới chất lượng dạy và học môn tiếng Trung cho SV.

2.2.4. Thực trạng sử dụng PPDH môn tiếng Trung TDTT cho SV trường Đại học TDTT Bắc Ninh.

Chương trình môn học tiếng Trung đưa vào giảng dạy năm thứ 1 (HK I và HK II) và được chia làm 02 học phần, mỗi học phần 45 tiết. Để đánh giá thực trạng sử dụng phương pháp giảng dạy môn học này, đề tài tiến hành khảo sát chương trình và lịch trình môn học, giáo án của GV.

Kết quả khảo sát cho thấy, trong chương trình môn học với 02 học phần, mỗi học phần 03 tín chỉ phương pháp thuyết trình dạng giảng giải là 50 tiết chiếm 55.55%, bài tập là 22 tiết chiếm 24.44%, hội thoại 12 tiết chiếm 13.33%. Như vậy phương pháp giảng dạy mà GV áp dụng chủ yếu là thuyết trình (giảng giải) kém theo việc giao và kiểm tra bài tập. Tuy nhiên, với môn học tiếng Trung để vận dụng trong các tình huống, ghi nhớ tốt hơn kiến thức đã học thì hội thoại là vấn đề rất quan trọng. Hơn nữa hội thoại còn giúp SV rèn luyện phản xạ nghe, nói. Đồng thời GV trực tiếp hướng dẫn, sửa các lỗi sai trong cách phát âm hay cách dùng từ, ngữ điệu, xây dựng các tình huống gắn với thực tế qua đóng kịch. Từ đó, tạo được hứng thú trong mỗi giờ học cho SV, nâng cao hiệu quả môn học. Tuy nhiên, số tiết dành cho phương pháp này chỉ chiếm tỷ lệ thấp (13.33%).

2.2.5. Thực trạng phương pháp đánh giá KQHT môn học tiếng Trung của SV trường Đại học TDTT Bắc Ninh.

Phương pháp đánh giá KQHT môn học được thực hiện theo quy định của Nhà trường với 03 phần điểm (điểm ý thức, điểm kiểm tra giữa kỳ và điểm kết thúc học phần). Qua điều tra 02 khóa học gần đây (khóa Đại học 56 và 57) cho thấy:

- Đánh giá điểm ý thức (10%): Đi học đầy đủ.
- Đánh giá điểm kiểm tra giữa kỳ (30%): Thông qua các hình thức như gọi lên bảng chữa bài tập, kiểm tra miệng, thảo luận, làm bài tập trên lớp, kèm song song với các tiết học.

Đánh giá điểm kết thúc môn học (60%): Thi vấn đáp

Từ thực tế trên cho thấy bất cập một số vấn đề sau:

- Đánh giá điểm ý thức: Nếu chỉ đi học đầy đủ mà SV đó đã được 1 điểm (10%) trọn vẹn thì không đánh giá được toàn diện. Bởi có rất nhiều SV về thực chất lười học, chỉ đến lớp điểm danh có mặt và trong quá trình học không tập trung nội dung bài giảng, làm việc riêng.... thậm trí còn làm ảnh hưởng đến bạn học xung quanh. Như vậy, phương pháp đánh giá điểm ý thức chưa thực sự hiệu quả, cần bổ sung thêm các tiêu chí cho phù

hợp hơn.

- Điểm thi kết thúc môn học: Hình thức thi duy nhất là vấn đáp theo chủ đề của các bài đã học. Mỗi SV sẽ có 5 chủ đề cho trước, sau đó bốc thăm lựa chọn 1 trong 5 chủ đề đó. Nếu vậy, phần ngữ pháp có trong học phần sẽ ít được đề cập đến trong khi thi. Với 5 chủ đề cho trước, khó tránh khỏi thực trạng SV sao chép nội dung của nhau, dẫn đến lười học, chủ quan khi thi. Đây là một phần nguyên nhân ảnh hưởng đến KQHT của SV.

2.2.6. Thực trạng về tài liệu phục vụ học tiếng Trung cho SV trường Đại học TDTT Bắc Ninh.

Kết quả khảo sát cho thấy: Tài liệu phục vụ môn học tiếng Trung bao gồm Giáo trình chính và tài liệu tham khảo với chất lượng tốt. Như vậy, tài liệu cho việc dạy và học tiếng Trung tuy chưa phong phú, song cũng đã đảm bảo yêu cầu cơ bản của môn học.

2.2.7. Thực trạng về nhận thức, hứng thú của SV trường Đại học TDTT Bắc Ninh đối với môn tiếng Trung.

Khảo sát chất lượng môn học tiếng Trung của SV Trường Đại học TDTT Bắc Ninh, chúng tôi tiến hành phỏng vấn bằng phiếu hỏi trên 50 SV khóa Đại học 57 nhằm tìm hiểu nhận thức, thái độ và hứng thú đối với môn học.

Kết quả khảo sát như sau: Tỷ lệ SV có hứng thú với môn tiếng Trung cao chiếm 70%, không tồn tại trường hợp không có hứng thú. Bên cạnh đó, đây là môn ít quan trọng với bản thân các em chiếm tỷ lệ 60%, quan trọng 30% và tỷ lệ cho rằng không quan trọng vẫn còn (10%). Do vậy, thời gian tập trung dành cho việc học còn ít chiếm tỷ lệ cao (42%), đầu tư thời gian nhiều chỉ chiếm 14%. Chính vì nguyên nhân này mà trong quá trình học môn tiếng Trung tỷ lệ cao (62%) SV không tìm thêm tài liệu tham khảo, video hỗ trợ cho việc học, thường xuyên chỉ có 4%.

Bên cạnh đó, hứng thú học tập tiếng Trung của SV phần lớn vì thành tích học tập (60%), sau đó vì GV (30%), chất lượng môn học chỉ có 10%. Vì vậy, nguyên nhân khiến SV cố gắng học môn tiếng Trung là vì điểm thi kết môn học (70%). Điều này hoàn toàn phù hợp với hứng thú của các em. Hơn nữa, 40% SV chọn học môn tiếng Trung vì thấy nó rất thú vị, có thể giúp SV trở thành người có hiểu biết rộng, 30% cho rằng biết nói tiếng Trung Quốc là một kỹ năng quan trọng trong cuộc sống. Đây là điều kiện thuận lợi để SV thêm hứng thú, nỗ lực cố gắng trong quá trình học tập

môn tiếng Trung.

2.2.8. Thực trạng ý thức, động cơ học tập và yếu tố ảnh hưởng đến tự học môn tiếng Trung của SV trường Đại học TDTT Bắc Ninh.

Nghiên cứu tiến hành phỏng vấn 50 SV khóa đại học 57 với 03 nội dung:

- Nội dung 1: Xác định động cơ, ý thức học tập.
- Nội dung 2: Xác định thời điểm và thời lượng tự học của SV. Yếu tố này giúp hiểu mức độ đầu tư thời gian vào vấn đề tự học ngoài giờ.
- Nội dung 3: Xác định phương pháp tự học của SV và các nhân tố ảnh hưởng đến kết quả học tập. Kết quả phỏng vấn cho thấy: Đa số SV đều thích học môn tiếng Trung (60%) và vẫn tồn tại số SV không thích học 20%. SV xác định mục đích học tập xuất phát để lấy điểm cao chiếm 70%, số SV học để nâng cao trình độ chiếm tỷ lệ thấp hơn hẳn (10%). SV học vì điểm là chủ đạo thì việc học tập của họ chỉ dựa vào nhu cầu bên ngoài của mục đích thực sự và là người có cách tiếp cận học nông.

Động cơ học tập liên quan trực tiếp tới thời gian và thời lượng tự học. Những SV học tập không vì nâng cao trình độ, họ chỉ học trước thi một vài tuần thậm chí là khi GV của môn học yêu cầu, thúc giục (chiếm 34%-46%). Đồng thời chỉ tự học vào thời điểm trước thi vài hôm (56%), số còn lại chủ động học trước thi một vài tuần và chỉ có 10% học ngay sau khi lên lớp về. Chính vì lý do đó, môn học tiếng Trung ít được đầu tư thời gian hơn so với các môn lý thuyết khác (80%). Cho nên số SV ôn tập bài cũ thường xuyên trước khi lên lớp còn ít (chiếm 6%). Đó là sự chưa hợp lý trong vấn đề tự học của SV.

Kết quả nghiên cứu cũng cho thấy: Khi GV thường xuyên giao bài tập về nhà, kiểm tra bài cũ và hỏi bài trong khi giảng, đa số SV chăm chỉ học bài cũ (76%) và chú ý nghe giảng hơn. Các em thường xuyên có cơ hội thực hành nói tiếng Trung (58%) thông qua hình thức hội thoại trên lớp bằng cách GV sử dụng tình huống gắn liền với thực tế. Tuy nhiên, SV cũng gặp nhiều khó khăn khi nói vì 62% không đủ vốn từ vựng, ngữ pháp để diễn đạt ý, khó cả về ngữ âm và ngữ điệu. Hơn nữa, 86% SV khẳng định môi trường tiếng rất quan trọng trong việc học môn tiếng Trung. Nếu SV được giao tiếp, học hỏi trong môi trường tiếng tốt, thì việc học sẽ dễ dàng và hiệu quả hơn. Song với môi trường các em đang học thì lại không đáp ứng được điều này.

2.2.9. Thực trạng về KQHT môn tiếng Trung

của SV trường Đại học TDTT Bắc Ninh.

Nghiên cứu tiến hành tổng hợp kết quả điểm thi kết thúc học phần môn học của 2 khóa Đại học 56 và khóa ĐH 57. Kết quả tổng hợp cho thấy: Kết quả thi kết thúc môn tiếng Trung ở hai học phần của SV khóa ĐH 56 và ĐH 57 tuy có sự biến đổi theo xu hướng tốt dần lên nhưng không đáng kể, tỷ lệ xếp loại theo 6 mức tương đương nhau. Tỷ lệ SV xếp loại xuất sắc rất ít trên cả hai khóa (3.07-5.97%), loại giỏi chỉ chiếm 13.84-19.4%. Bên cạnh đó số lượng SV đạt mức trung bình chiếm tỉ lệ cao nhất từ 38.46-46.15%. Số SV ở mức yếu - kém vẫn còn tồn tại. Tuy đây là kết quả thi lần 1 đã đáp ứng yêu cầu về chỉ tiêu đặt ra của các môn lý thuyết trong Nhà trường, song không phải kết quả tốt với

yêu cầu về chất lượng học tập tiếng Trung hiện nay.

III. KẾT LUẬN

Kết quả nghiên cứu thực trạng dạy và học môn tiếng Trung cho sinh viên trường Đại học TDTT Bắc Ninh cho thấy: Đội ngũ giáo viên đáp ứng tốt với yêu cầu giảng dạy, nhưng điều kiện CSVC, hình thức thi kiểm tra, PPDH hiện tại đều chưa thỏa mãn được mục tiêu của môn học. Ý thức, hứng thú, động cơ học tập môn tiếng Trung của sinh viên chưa xác định tốt dẫn đến kết quả học tập thấp và mang tính đối phó. Đây là các cơ sở thực hiện rất quan trọng để chúng tôi nghiên cứu, đề xuất biện pháp nâng cao kết quả học tập của sinh viên Trường ĐH TDTT Bắc Ninh đáp ứng yêu cầu hiện nay.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- 1, Ban Chấp hành TƯ (2013), *Nghị quyết số 29-NQ/TƯ về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo*. Hà Nội
- 2, Kỷ yếu nghiên cứu khoa học TDTT (2003), *Nghiên cứu ứng dụng các phương pháp giảng dạy đại học nhằm nâng cao chất lượng đào tạo trường Đại học TDTT I*, Nxb TDTT, Hà Nội.
- 3, Đặng Bá Lãm (1995), *Các phương pháp kiểm tra và đánh giá trong giảng dạy đại học*, Đề tài B94 - 38- 09PP, Viện nghiên cứu phát triển giáo dục, Hà Nội.
- 4, Nguyễn Toán, Phạm Danh Tồn (1993), *Lý luận và phương pháp TDTT*, Nxb TDTT Hà Nội.